

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO DIỆP GIA HÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO DIỆP GIA HÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108238488

3. Ngày thành lập: 18/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Bảo, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978 403 020

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Xây dựng nhà các loại	4100
3.	Phá dỡ	4311
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo	4631
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
13.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
14.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
15.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
16.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
18.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
19.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
20.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các hoạt động bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí; kinh doanh vàng miếng)	4773
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
24.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Cầm đồ	6492
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
26.	Điều hành tua du lịch	7912
27.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
28.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
29.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
32.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
33.	Thu gom rác thải độc hại	3812
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
36.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
39.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
43.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;	7110
47.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
48.	Đại lý du lịch	7911
49.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
50.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
51.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
52.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
53.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
54.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
55.	Tái chế phế liệu	3830
56.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
57.	Xây dựng công trình công ích	4220
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
59.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
63.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
64.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
65.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
66.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
67.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
68.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
69.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
70.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
73.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm Hoạt động của nhà đấu giá (bán lẻ))	4774
74.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
75.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
76.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
-----	---	------

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI VĂN HẢI	Xóm Bảo, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	10,000	001091018755	
			Tổng số	68.000	680.000.000	10,000		
2	BÙI ĐỖ MUỖI	Xóm Bảo, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	544.000	5.440.000.000	80,000	012821106	
			Tổng số	544.000	5.440.000.000	80,000		
3	BÙI VĂN HẢO	Xóm Bảo, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	10,000	001078007383	
			Tổng số	68.000	680.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI ĐỖ MUỖI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *14/04/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *012821106*

Ngày cấp: *18/01/2012*

Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Bảo, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Bảo, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội